TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ngư.

2. Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị Thùy L**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ngày 10-8-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4-2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ lâu dần tình cảm rạn nứt, không thể hàn gắn được, từ đó chị L về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Chị L nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Thời gian chung sống chị L và anh N có con chung tên Nguyễn Lâm Khánh Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-6-2016. Cháu Quỳnh hiện đang sống cùng với chị L, do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn thì chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể: Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N:

Anh N đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các Giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tại Biên bản xác minh ngày 08 tháng 3 năm 2021, thì mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh N:

Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị L, anh N không trình báo, cũng không yêu cầu hòa giải nên địa phương không biết được mâu thuẫn gia đình giữa anh, chị.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L, cụ thể: Chị L được ly hôn với anh N; Giao con chung tên Nguyễn Lâm Khánh Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-6-2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi; Chị L không yêu cầu nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Lâm Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Văn N. Anh N cư trú tại Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy, anh N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể: Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của chị L vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này là do chị L tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh N tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 100/2015, quyển số: 04/2015, ngày 10-8-2015. Tại thời điểm kết hôn thì chị L, anh N đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh N được pháp luật công nhận.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".* Theo quy định viện dẫn thì chị L, anh N là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Thế nhưng khi phát sinh

mâu thuẫn thì chị L, anh N không hàn gắn, cũng không quan tâm, chăm sóc nhau, không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị L, anh N tham gia phiên hòa giải, anh N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy chị L, anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 126/2016, ngày 10-8-2016 của Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì chị L, anh N có con chung tên Nguyễn Lâm Khánh Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-6-2016. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh N thì không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.4] Tại Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Theo quy đinh viện dẫn thì chị L, anh N có quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, cũng như thỏa thuận về quyền, nghĩa vụ của mỗi bên đối với con sau khi ly hôn, thế nhưng chị L, anh N không thỏa thuận được nên việc giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng do Hội đồng xét xử quyết định. Xét thấy, cháu Quỳnh đang sống cùng với chị L, cuộc sống của cháu đã ổn định, chị L có việc làm, thu nhập ổn định nên có điều kiện kinh tế để nuôi con, còn anh N không quan tâm, chăm sóc con, cũng không chu cấp cho con. Như vậy, để đảm bảo cuộc sống của con chung không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung thì giao con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp. Như vậy, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi" và* Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".* Theo quy định viện dẫn thì anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Quỳnh được sống với chị L. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.6] Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.8] Như đã phân tích trên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.9] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ

thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Thùy L (Diễm) được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lâm Khánh Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-6-2016 cho chị Lâm Thị Thùy L (Diễm) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Lâm Thị Thùy L (Diễm) không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị Thùy L (Diễm) trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị Thùy L (Diễm) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0008508, ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Lâm Thị Thùy L (Diễm) đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt